

THÔNG BÁO

Về việc mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở tại mặt bằng: Điểm dân cư Đình Đọt đến Cồn Cáo; Điểm dân cư nông thôn Cồ Quán, Hàng Dừa đến Khu SXKD, thôn Thái Khang; Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đấu giá Hợp danh Hồng Đức; Địa chỉ: Số 69, đường Lạc Long Quân, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá; Địa chỉ: thôn Dân Quyền Dân Sinh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá.

3. Tài sản đấu giá: Gồm 66 lô đất trên địa bàn xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá:

(I). Điểm dân cư Đình Đọt đến Cồn Cáo (Tại Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12/06/2022 của UBND huyện Thiệu Hoá về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Đình Đọt đến Cồn Cáo, xã Thiệu Hoá, huyện Thiệu Hoá), có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất nông nghiệp và cây xăng;
- Phía Nam giáp với điểm dân cư hiện trạng;
- Phía Đông giáp đường bê tông hiện trạng;
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

(II). Điểm dân cư nông thôn Cồ Quán, Hàng Dừa đến Khu SXKD, thôn Thái Khang (tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 12/06/2022 của UBND huyện Thiệu Hoá về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư nông thôn Cồn Quán, Hàng Dừa đến Khu SXKD, thôn Thái Khang, xã Thiệu Hoá, huyện Thiệu Hoá), có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất lúa;
- Phía Tây Nam giáp khu dân cư hiện hữu;
- Phía Đông giáp đất lúa;
- Phía Tây giáp đất lúa.

(III). Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý (Tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hoá), có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Nam giáp Đường tỉnh 516C mới đi Triệu Sơn;
- Phía Đông Bắc giáp đất nông nghiệp;
- Phía Tây Bắc giáp đường bê tông cạnh khu dân cư;
- Phía Tây Nam giáp đường bê tông đi vào làng.
- **Thông tin cụ thể tài sản đấu giá:** (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

- **Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm đấu giá:** Các lô đất đấu giá đã được bồi thường GPMB và đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật theo MBQH được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, thời hạn sử dụng đất:

- + Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn.
- + Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- + Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

5. Phương thức đấu giá: Phương thức đấu giá lên.

6. Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu kín trực tiếp 01 (một) vòng đấu tại cuộc đấu giá.

7. Bước giá: Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người đăng ký tham gia đấu giá trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì Đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người đăng ký tham gia đấu giá yêu cầu đấu giá tiếp) và áp dụng bước giá 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước đó để tổ chức đấu giá.

8. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

- *Đối tượng tham gia đấu giá:* Các đối tượng tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 125 của Luật Đất đai năm 2024 và Luật đất giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024).

- *Điều kiện tham gia đấu giá:*

+ Theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

+ Có hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ theo quy định;

+ Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá (Trong cùng một lô đất, một hộ gia đình chỉ được một người tham gia đấu giá);

+ Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

- *Cách thức tham gia đấu giá:* Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước hợp lệ cho Công ty đấu giá hợp danh Hồng Đức (hoặc có thể uỷ quyền theo quy định của pháp luật).

9. Thành phần hồ sơ người đăng ký tham gia đấu giá phải nộp gồm:

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (có đóng dấu đỏ) do Công ty đấu giá hợp danh Hồng Đức phát hành;

+ Bản sao Căn cước/CCCD/hộ chiếu (còn thời hạn);

+ Hợp đồng uỷ quyền theo quy định của pháp luật (nếu có);

+ Bản sao Căn cước/CCCD/hộ chiếu (còn thời hạn) của người được UQ (nếu có).

10. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ 8h00p ngày 04/08/2025 đến 16h30p ngày 18/08/2025 tại thực địa của khu đất đấu giá: Điểm dân cư Đình Đọt đến

Cồn Cáo; Điểm dân cư nông thôn Cồ Quán, Hàng Dừa đến Khu SXKD, thôn Thái Khang; Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá.

11. Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá (trong ngày và giờ làm việc hành chính): Tại Công ty Đấu giá hợp danh Hồng Đức và Tại trụ sở UBND xã Thiệu Toán: Từ 8h00p ngày 04/08/2025 đến 16h30p ngày 18/08/2025.

12. Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:

- Thời gian: Từ 8h00p ngày 04/08/2025 đến 17h00p ngày 18/08/2025.
- Hình thức nộp: Khách hàng nộp tiền trực tiếp tại các chi nhánh/PGD của ngân hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty theo các thông tin sau:
 - + Tên đơn vị thụ hưởng: Công ty đấu giá hợp danh Hồng Đức
 - + Số tài khoản: 117634738888 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – CN Thanh Hóa.
 - + Nội dung nộp/chuyển tiền: **Họ tên - Số CCCD - NTDTDG – xã Thiệu Toán**
(Ví dụ: Lê Văn A 038123456789 NTDTDG xã Thiệu Toán)

Ghi chú:

- **[Họ tên – số CCCD]:** là họ tên và số căn cước công dân của người đứng tên trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá.
- **[NTDTDG xã Thiệu Toán]:** là mã lệnh nộp tiền đặt trước đấu giá QSD đất tại xã Thiệu Toán.
- Khách hàng nộp tiền theo đúng nội dung Công ty đã hướng dẫn nêu trên.
- Khoản tiền đặt trước hợp lệ được căn cứ theo thông tin số tiền được báo có về tài khoản và thời gian quy định nêu trên của Công ty đấu giá hợp danh Hồng Đức.

13. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- + Thời gian: Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút ngày 21/08/2025
- + Địa điểm: Hội trường UBND thị xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá.

Lưu ý:

- Khi tham dự phiên đấu giá người tham gia đấu giá phải xuất trình bản chính Căn cước/CCCD/hộ chiếu (còn thời hạn); chứng từ xác định việc đã nộp tiền đặt trước và Hợp đồng uỷ quyền (nếu có).
- Người tham gia đấu giá cần đến trước thời gian tổ chức phiên đấu giá tối thiểu 15 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá.

CTY DAU GIA HOP DANH HONG DUC
117634738888

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
CN THANH HOA - HOI SO

VietinBank eFAST



Mã QR để nhận tiền qua chuyển khoản
nhanh

napas 247

VietQR

14. Thông tin liên hệ (trong giờ hành chính): Công ty đấu giá Hợp danh
Hồng Đức; Địa chỉ: Số 69, đường Lạc Long Quân, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa;
SĐT: 02373.961.858 - 0914.273.080; Email: daugiathanhhoa353@gmail.com

Nơi nhận:

- Cổng đấu giá tài sản quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Toán;
- Các điểm niêm yết;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Tiến

Phụ lục

CHI TIẾT GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, TIỀN HỒ SƠ ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI MẶT BẰNG: ĐIỂM DÂN CƯ ĐÌNH ĐỢT ĐẾN CỒN CÁO; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN CỒ QUÁN, HÀNG DỪA ĐẾN KHU SXKD, THÔN THÁI KHANG; KHU DÂN CƯ CỒN QUY, THÔN DÂN QUÝ, XÃ THIỆU TOÁN, TỈNH THANH HOÁ

(Kèm theo Thông báo số 96/TB-HĐ ngày 02/08/2025 của Công ty Đấu giá hợp danh Hồng Đức)

Stt	Số ký hiệu lô đất theo MBQH	Diện tích một lô đất (m ²)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô/hs)	Tiền hồ sơ (đồng/lô/hs)	Ghi chú
I	Điểm dân cư Đình Đốt đến Cồn Cáo						
A	Khu LK-1						
1	LK-1:3	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
2	LK-1:5	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
3	LK-1:9	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
B	Khu LK-2						
4	LK-2:2	126,00	4.100.000	516.600.000	103.320.000	100.000	
5	LK-2:5	119,00	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
6	LK-2:6	119,00	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
7	LK-2:7	119,00	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
8	LK-2:8	119,00	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
9	LK-2:9	119,00	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
C	Khu LK-3						
10	LK-3:2	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
11	LK-3:3	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
12	LK-3:4	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
13	LK-3:6	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
14	LK-3:9	126	4.100.000	516.600.000	103.320.000	100.000	
15	LK-3:10	126	4.100.000	516.600.000	103.320.000	100.000	
II	Điểm dân cư Cồn Quán, Hàng Dừa đến Khu SXKD, thôn Thái Khang						
16	LK2-12	126	4.100.000	516.600.000	103.320.000	100.000	
17	LK3-10	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
18	LK4-9	119	4.100.000	487.900.000	97.580.000	100.000	
III	Khu dân cư Cồn Quy, thôn Dân Quý						
A	Khu LK1						
19	LK1:1	138,73	5.500.000	763.015.000	152.603.000	100.000	
20	LK1:6	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
21	LK1:7	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
22	LK1:8	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
23	LK1:9	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
24	LK1:10	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
25	LK1:11	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
26	LK1:12	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
27	LK1:13	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
28	LK1:14	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
29	LK1:15	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	

30	LK1:16	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
31	LK1:17	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
32	LK1:18	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
33	LK1:19	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
34	LK1:20	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
35	LK1:21	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
36	LK1:22	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
37	LK1:23	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
38	LK1:24	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
39	LK1:25	134,96	5.640.000	761.174.400	152.234.000	100.000	2 mặt đường
40	LK1:26	142,79	5.880.000	839.605.200	167.921.000	100.000	2 mặt đường
B	Khu LK2						
41	LK2:1	152,36	6.600.000	1.005.576.000	201.115.000	200.000	2 mặt đường
42	LK2:14	121,00	4.800.000	580.800.000	116.160.000	100.000	Mặt thoáng
43	LK2:15	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
44	LK2:16	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
45	LK2:17	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
46	LK2:18	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
47	LK2:19	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
48	LK2:20	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
49	LK2:21	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
50	LK2:22	175,76	5.640.000	991.286.400	198.257.000	100.000	2 mặt đường
51	LK2:23	129,81	4.700.000	610.107.000	122.021.000	100.000	
52	LK2:24	147,27	4.700.000	692.169.000	138.433.000	100.000	
C	Khu LK3						
53	LK3:19	121	4.800.000	580.800.000	116.160.000	100.000	CV-CX
54	LK3:20	121	4.800.000	580.800.000	116.160.000	100.000	CV-CX
55	LK3:21	121	4.800.000	580.800.000	116.160.000	100.000	CV-CX
D	Khu LK4						
56	LK4:2	153,39	4.700.000	720.933.000	144.186.000	100.000	
57	LK4:3	148,28	4.700.000	696.916.000	139.383.000	100.000	
58	LK4:4	122,07	4.700.000	573.729.000	114.745.000	100.000	
59	LK4:5	130,47	4.700.000	613.209.000	122.641.000	100.000	
60	LK4:6	113,01	4.700.000	531.147.000	106.229.000	100.000	
61	LK4:7	137,24	4.800.000	658.752.000	131.750.000	100.000	Mặt thoáng
62	LK4:8	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
63	LK4:9	121,00	4.700.000	568.700.000	113.740.000	100.000	
64	LK4:15	151,74	5.640.000	855.813.600	171.162.000	100.000	2 mặt đường
65	LK4:16	135,20	4.700.000	635.440.000	127.088.000	100.000	
E	Khu LK5						
66	LK5:8	161,40	6.600.000	1.065.240.000	213.048.000	200.000	2 mặt đường
	TỔNG	8.316,48		39.157.912.600	7.831.576.000	6.800.000	

Mức giá khởi điểm trên không bao gồm lệ phí trước bạ và các nghĩa vụ tài chính khác khi sử dụng đất.